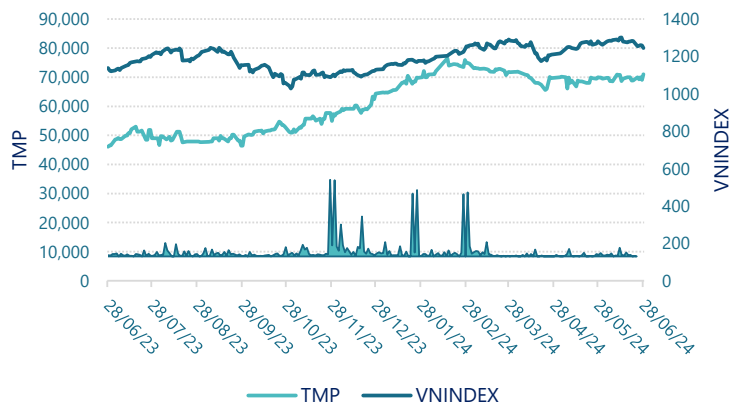




CTCP Thủy điện Thác Mơ (HSX: TMP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	71,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	76,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	46,087
SL cổ phiếu LH	70,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,350
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,970
P/E	15.5
EPS	4,569

DT thuần

Q2/24

163

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 51.0 | 45.2%

YoY: ▼ 47.0 | -22.5%

LN sau thuế

Q2/24

74.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 35.7 | 91.1%

YoY: ▼ 57.1 | -43.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

58.5%

+/- YoY: ▼ 21.0%

DT thuần

6T 2024

275

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 131 | -32.4%

LN sau thuế

6T 2024

114

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 122 | -51.6%

ROE

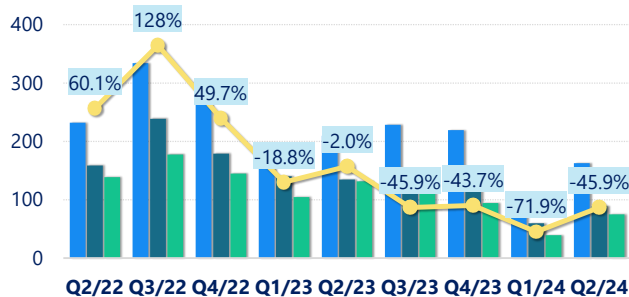
Q2/24

20.2%

+/- YoY: ▼ 14.6%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

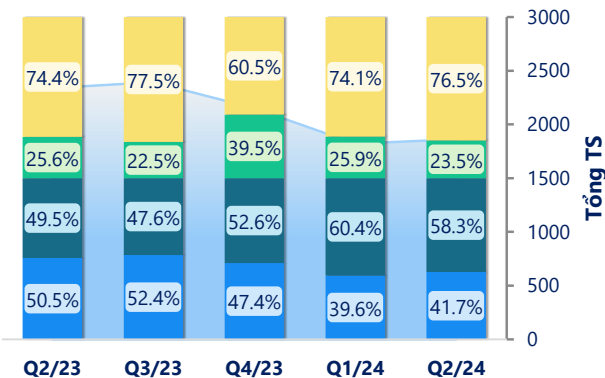


Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

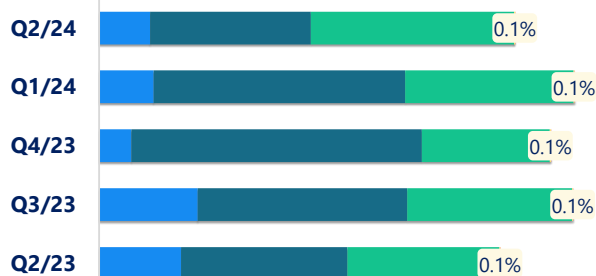
tỷ VNĐ



Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

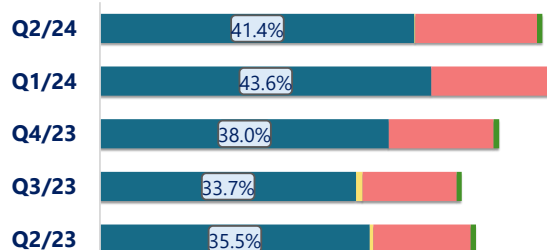
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
Đầu tư TC ngắn hạn
Phải thu ngắn hạn
Hàng tồn kho
TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

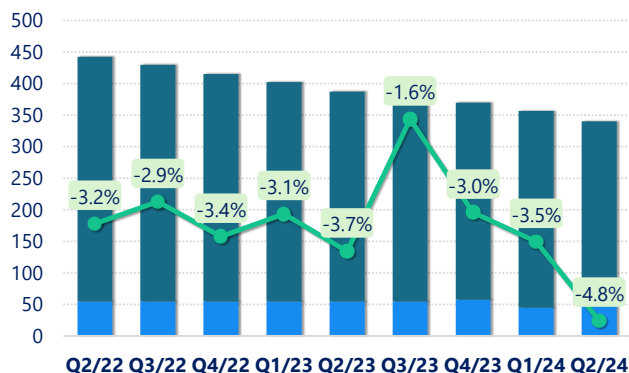


Phải thu dài hạn
Tài sản cố định
Bất động sản đầu tư
Tài sản dài hạn khác
Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

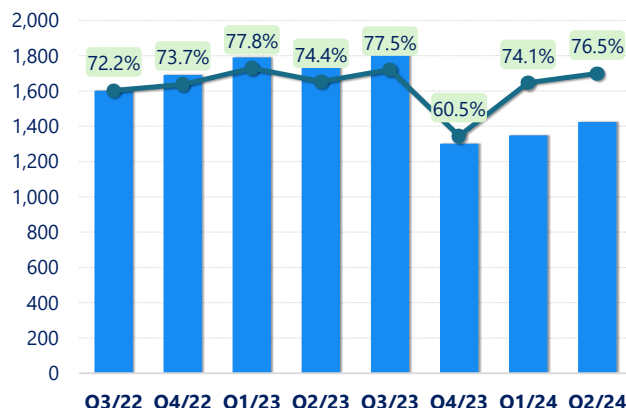


Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

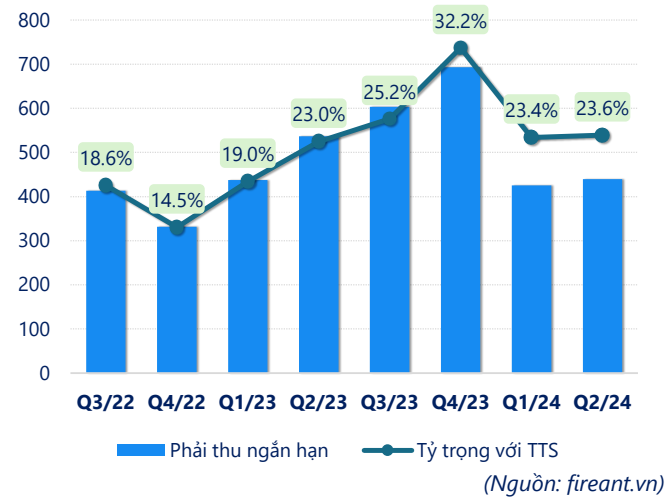
Vốn chủ sở hữu



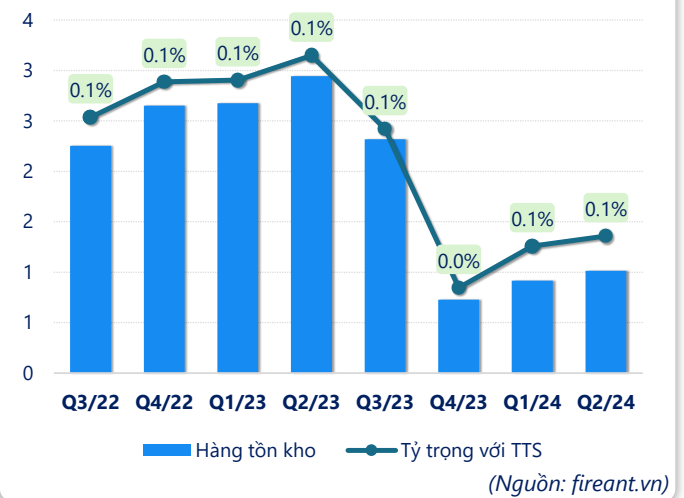
Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

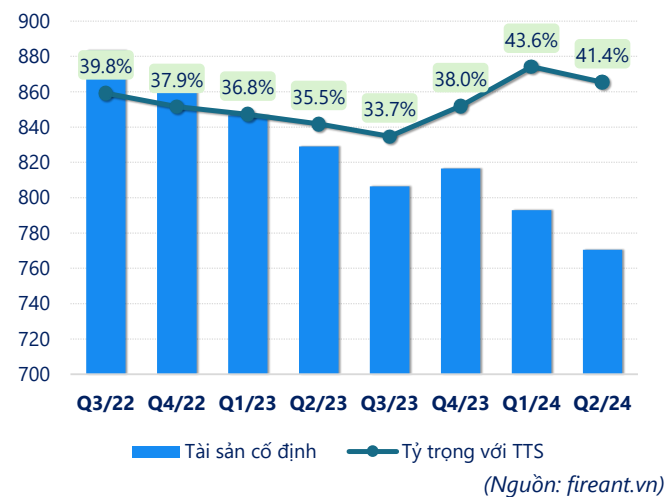
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


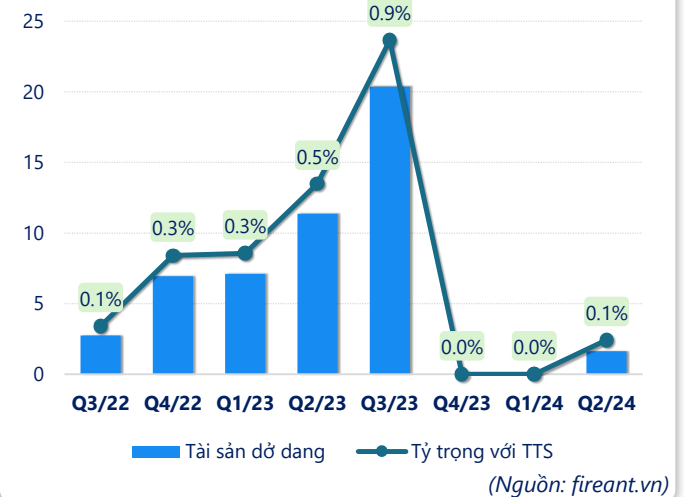
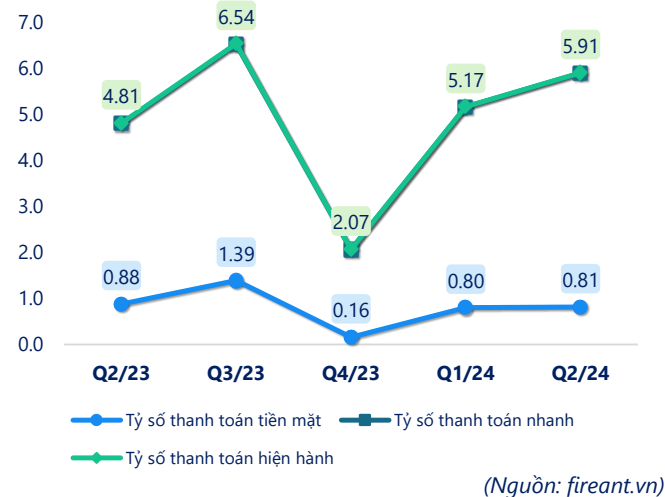
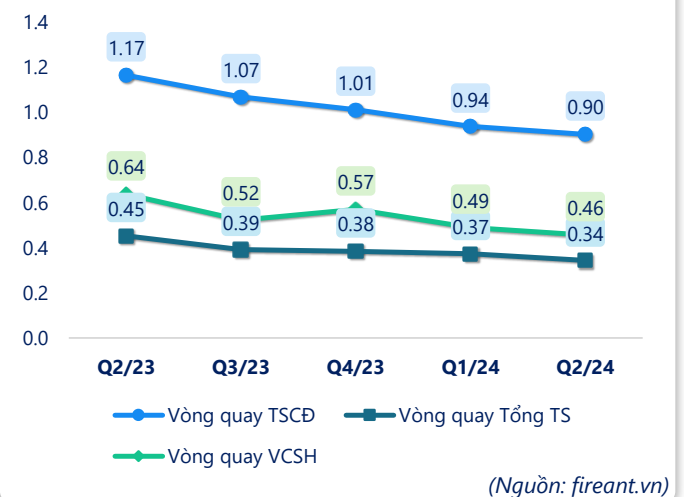
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	2,338	2,394	2,150	1,820	1,863
Tài sản ngắn hạn	1,181	1,254	1,020	720	778
Tiền và tương đương tiền	216	267	78.1	112	107
Đầu tư tài chính ngắn hạn	424	380	247	181	228
Phải thu ngắn hạn	537	604	693	425	439
Hàng tồn kho	2.94	2.32	0.73	0.92	1.01
Tài sản ngắn hạn khác	0.92	1.43	1.61	1.30	2.11
Tài sản dài hạn	1,157	1,140	1,130	1,100	1,085
Phải thu dài hạn	0.85	0.85	0.85	0.85	0.90
Tài sản cố định	829	806	817	793	771
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	11.4	20.4	0	0	1.63
Đầu tư tài chính dài hạn	300	297	296	291	299
Tài sản dài hạn khác	16.1	15.5	16.0	15.2	13.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	599	539	849	472	438
Nợ ngắn hạn	245	192	493	139	132
Vay và nợ thuê ngắn hạn	54.9	54.9	57.4	44.9	53.9
Phải trả người bán ngắn hạn	18.7	8.38	29.2	9.80	10.2
Nợ dài hạn	353	347	355	332	306
Vay và nợ thuê dài hạn	333	326	312	312	286
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,739	1,855	1,301	1,349	1,425
Vốn chủ sở hữu	1,739	1,855	1,301	1,349	1,425
Vốn điều lệ	700	700	700	700	700
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)